

Số: 996/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2013

**QUYẾT ĐỊNH**

Công bố xếp hạng kết quả thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư/Ban QLDA và Công nghệ thông tin các dự án do Bộ giao thông vận tải quản lý, đầu tư giai đoạn 2008-2012

**CÔNG VĂN ĐẾN**

Số:.....

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI** ngày 17 tháng 4 năm 2013

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20/12/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 2605/QĐ-BGTVT ngày 24/10/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành Quy định đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của chủ đầu tư/Ban QLDA các dự án do Bộ GTVT quyết định đầu tư;

Xét đề nghị của Vụ Kế hoạch đầu tư tại Báo cáo số 342/KHĐT ngày 29/3/2013 về thẩm định kết quả đánh giá, xếp hạng kết quả thực hiện nhiệm vụ của chủ đầu tư/Ban QLDA các dự án do Bộ GTVT quyết định đầu tư,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố xếp hạng kết quả thực hiện nhiệm vụ của chủ đầu tư/Ban QLDA các dự án do Bộ GTVT quyết định đầu tư giai đoạn 2008-2012 như danh mục chi tiết kèm theo Quyết định này.

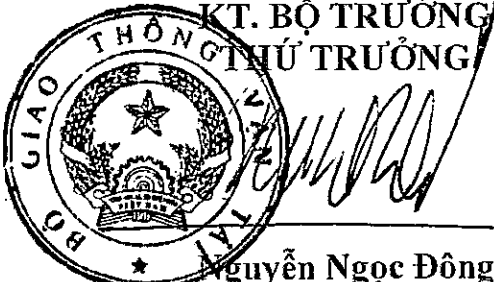
**Điều 2.** Căn cứ kết quả xếp hạng thực hiện nhiệm vụ của chủ đầu tư/Ban QLDA tại Điều 1, Thủ trưởng các cơ quan được xếp hạng xác định thực trạng của đơn vị có giải pháp chấn chỉnh nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý đầu tư các dự án thuộc thẩm quyền quản lý.

Trung tâm Công nghệ thông tin chịu trách nhiệm công bố kết quả xếp hạng trên trang Thông tin điện tử của Bộ GTVT.

**Điều 3.** Thủ trưởng các đơn vị: Vụ Kế hoạch Đầu tư, Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Tài chính, Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Cục QLXD & CL CTGT, Văn phòng Bộ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Như Điều 2, 3;
- Lưu: VT, KHĐT (3).

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**  
  
Nguyễn Ngọc Đông

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CHỦ ĐẦU TƯ/BAN QLDA CÁC DỰ ÁN DO BỘ GTVT QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 916/QĐ-BGTVT ngày 16/4/2013)

STT	Tên đơn vị	Xếp hạng	Số dự án quản lý	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành</b>			
1	Tổng cục ĐBVN	B	32	Điểm lỗi đạt loại A, xếp hạng loại B do BC chậm
2	Cục Hàng hải VN	B	9	Điểm lỗi đạt loại A, xếp hạng loại B do BC chậm
3	Cục Đường thủy nội địa	B	3	Đánh giá loại B
4	Cục Đường sắt VN	B	2	Đánh giá loại B
5	Cục Hàng không VN	B	3	Điểm lỗi đạt loại A, xếp hạng loại B do BC chậm
<b>B</b>	<b>Các Ban QLDA</b>			
1	Ban QLDA 1	B	11	Điểm lỗi đạt loại A, xếp hạng loại B do BC chậm
2	Ban QLDA 2	B	11	Đánh giá loại B
3	Ban QLDA 4	B	7	Điểm lỗi đạt loại A, xếp hạng loại B do BC chậm
4	Ban QLDA 5	B	11	Điểm lỗi đạt loại A, xếp hạng loại B do BC chậm
5	Ban QLDA 6	B	8	Điểm lỗi đạt loại A, xếp hạng loại B do BC chậm
6	Ban QLDA 7	B	18	Điểm lỗi đạt loại A, xếp hạng loại B do BC chậm
7	Ban QLDA 85	B	4	Điểm lỗi đạt loại A, xếp hạng loại B do BC chậm
STT	Tên đơn vị	Xếp hạng	Số dự án quản lý	Ghi chú
8	Ban QLDA ATGT	B	5	Điểm lỗi đạt loại A, xếp hạng loại B do BC chậm
9	Ban QLDA HCM	A	24	
10	Ban QLDA Thăng Long	B	5	Đánh giá loại B
<b>C</b>	<b>Các Sở GTVT</b>			
1	Sở GTVT An Giang	Chưa xếp hạng (*)		
2	Sở GTVT Bà Rịa - Vũng Tàu	B	1	Điểm lỗi đạt loại A, xếp hạng loại B do BC chậm
3	Sở GTVT Bạc Liêu	B	1	Điểm lỗi đạt loại A, xếp hạng loại B do BC chậm
4	Sở GTVT Bắc Kạn	A	1	
5	Sở GTVT Bắc Giang	Chưa xếp hạng (*)		
6	Sở GTVT Bắc Ninh	B	1	Điểm lỗi đạt loại A, xếp hạng loại B do BC chậm
7	Sở GTVT Bến Tre	Chưa xếp hạng (*)		
8	Sở GTVT Bình Dương	Chưa xếp hạng (*)		
9	Sở GTVT Bình Định	C		Không nộp báo cáo
10	Sở GTVT Bình Phước	Chưa xếp hạng (*)		



(\*) Các đơn vị chưa xếp hạng do không quan hệ các dự án do Bộ GTVT quyết định đầu tư.

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CHỦ ĐẦU TƯ/BAN QLDA CÁC DỰ ÁN DO BỘ GTVT QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BGTVT ngày /4/2013)

STT	Tên đơn vị	Xếp hạng	Số dự án quản lý	Ghi chú
24	Sở GTVT Hà Nội	B	1	Đánh giá loại B
25	Sở GTVT Hà Tĩnh	A	1	
26	Sở GTVT Hải Dương	A	1	
27	Sở GTVT Hải Phòng	Chưa xếp hạng (*)		
28	Sở GTVT Hòa Bình	B	4	Điểm lỗi đạt loại A, xếp hạng loại B do BC chậm
29	Sở GTVT TP. Hồ Chí Minh	Chưa xếp hạng (*)		
30	Sở GTVT Hậu Giang	B	1	Điểm lỗi đạt loại A, xếp hạng loại B do BC chậm
31	Sở GTVT Hưng Yên	B	2	Điểm lỗi đạt loại A, xếp hạng loại B do BC chậm
32	Sở GTVT Khánh Hòa	A	1	
33	Sở GTVT Kiên Giang	B	1	Đánh giá loại B
34	Sở GTVT Kon Tum	B	4	Điểm lỗi đạt loại A, xếp hạng loại B do BC chậm
35	Sở GTVT Lai Châu	B	5	Điểm lỗi đạt loại A, xếp hạng loại B do BC chậm
36	Sở GTVT Lào Cai	A	6	
37	Sở GTVT Lạng Sơn	B	3	Điểm lỗi đạt loại A, xếp hạng loại B do BC chậm

STT	Tên đơn vị	Xếp hạng	Số dự án quản lý	Ghi chú
C	Các Sở GTVT			
11	Sở GTVT Bình Thuận	A	2	
12	Sở GTVT Cà Mau	Chưa xếp hạng (*)		
13	Sở GTVT Cao Bằng	B	2	Điểm lỗi đạt loại A, xếp hạng loại B do BC chậm
14	Sở GTVT Cần Thơ	Chưa xếp hạng (*)		
15	Sở GTVT Đà Nẵng	B	1	Điểm lỗi đạt loại A, xếp hạng loại B do BC chậm
16	Sở GTVT Đắk Lắk	B	1	Đánh giá loại B
17	Sở GTVT Đắk Nông	B	1	Đánh giá loại B
18	Sở GTVT Điện Biên	A	5	
19	Sở GTVT Đồng Nai	Chưa xếp hạng (*)		
20	Sở GTVT Đồng Tháp	B	1	Điểm lỗi đạt loại A, xếp hạng loại B do BC chậm
21	Sở GTVT Gia Lai	B	1	Điểm lỗi đạt loại A, xếp hạng loại B do BC chậm
22	Sở GTVT Hà Giang	B	1	Điểm lỗi đạt loại A, xếp hạng loại B do BC chậm
23	Sở GTVT Hà Nam	A	4	

(\*) Các đơn vị chưa xếp hạng do không quản lý các dự án do Bộ GTVT quyết định đầu tư hoặc làm chủ đầu tư các dự án đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CHỦ ĐẦU TƯ/BAN QLDA CÁC DỰ ÁN DO BỘ GTVT QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BGTVT ngày 14/2013)

STT	Tên đơn vị	Xếp hạng	Số dự án quản lý	Ghi chú
<b>C</b>	<b>Các Sở GTVT</b>			
38	Sở GTVT Lâm Đồng	B	2	Điểm lỗi đạt loại A, xếp hạng loại B do BC chậm
39	Sở GTVT Long An	B	2	Điểm lỗi đạt loại A, xếp hạng loại B do BC chậm
40	Sở GTVT Nam Định	B	1	Điểm lỗi đạt loại A, xếp hạng loại B do BC chậm
41	Sở GTVT Nghệ An	A	5	
42	Sở GTVT Ninh Bình	B	5	Điểm lỗi đạt loại A, xếp hạng loại B do BC chậm
43	Sở GTVT Ninh Thuận	C		Không nộp báo cáo
44	Sở GTVT Phú Thọ	B	2	Đánh giá loại B
45	Sở GTVT Phú Yên	Chưa xếp hạng (*)		
46	Sở GTVT Quảng Bình	A	2	
47	Sở GTVT Quảng Nam	Chưa xếp hạng (*)		
48	Sở GTVT Quảng Ngãi	B	1	Điểm lỗi đạt loại A, xếp hạng loại B do BC chậm
49	Sở GTVT Quảng Ninh	B	3	
50	Sở GTVT Quảng Trị	B	2	Điểm lỗi đạt loại A, xếp hạng loại B do BC chậm
51	Sở GTVT Sóc Trăng	C		Không nộp báo cáo
<b>D</b>	<b>Các Tổng công ty</b>			
1	Tổng Công ty Đường sắt VN	B	19	Điểm lỗi đạt loại A, xếp hạng loại B do BC chậm
2	Tổng Công ty ĐTVT và QLDA Cửu Long (CPIM)	B	10	Đánh giá loại B
3	Tổng Công ty ĐTVT đường cao tốc Việt Nam	B	5	Đánh giá loại B
52	Sở GTVT Sơn La	B	1	Điểm lỗi đạt loại A, xếp hạng loại B do BC chậm
53	Sở GTVT Tây Ninh	Chưa xếp hạng (*)		
54	Sở GTVT Thái Bình	B	1	Điểm lỗi đạt loại A, xếp hạng loại B do BC chậm
55	Sở GTVT Thái Nguyên	Chưa xếp hạng (*)		
56	Sở GTVT Thanh Hóa	B	3	Điểm lỗi đạt loại A, xếp hạng loại B do BC chậm
57	Sở GTVT Thừa Thiên Huế	B	1	Đánh giá loại B
58	Sở GTVT Tiền Giang	C		Không nộp báo cáo
59	Sở GTVT Trà Vinh	B	2	Đánh giá loại B
60	Sở GTVT Tuyên Quang	B	2	Điểm lỗi đạt loại A, xếp hạng loại B do BC chậm
61	Sở GTVT Vĩnh Long	B	2	Điểm lỗi đạt loại A, xếp hạng loại B do BC chậm
62	Sở GTVT Vĩnh Phúc	B	1	Điểm lỗi đạt loại A, xếp hạng loại B do BC chậm
63	Sở GTVT Yên Bái	B	4	Điểm lỗi đạt loại A, xếp hạng loại B do BC chậm

(\*) Các đơn vị chưa xếp hạng do không tham dự các dự án do Bộ GTVT quyết định đầu tư hoặc làm chủ đầu tư các dự án đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư